

Bản án số:128/2024/HS-ST
Ngày 28/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tổng Thị Kim Điền
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chính Việt Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2024/HSST ngày 12 tháng 07 năm 2024.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HS ngày 29/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/HSST- QĐ ngày 14/8/2024 của tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, đối với bị cáo họ và tên: **Trương Hoài H**, tên gọi khác: Bờm; giới tính: Nam, sinh 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: **Số B B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Con ông **Trương Văn C** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1968; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con;

Tiền án: Bản án số 33/2018/HSST ngày 15/05/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/01/2023;

Tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án số 257/2008/HSST ngày 28/08/2008 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 29/6/2011;

Bản án số 105/2012/HSST ngày 24/05/2012 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 18/06/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 04/03/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Mai Thị T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú hiện nay: Số D H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Số C L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 31/19/28 H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Tạ Yến T1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Số B M, A, N, tỉnh Cần Thơ

3. Bà Trương Thị Thu H1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi thường trú: E C, Phường B, Quận P, TP.;

Nơi cư trú: Số D L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/02/2024, Trương Hoài H đang ở nhà tại địa chỉ số B B, Phường A, Quận H thì Nguyễn Văn S (tên gọi khác: T2) điện thoại rủ Trương Hoài H đi uống cà phê. Trương Hoài H chạy xe Honda Vision màu trắng, biển số 65B1- 420.91 đến chợ X1, gửi xe tại bãi giữ xe trong chợ để Nguyễn Văn S đến đón. Trong lúc ngồi uống cà phê, Nguyễn Văn S rủ Trương Hoài H đi cướp giật tài sản, Trương Hoài H đồng ý. Nguyễn Văn S điều khiển xe Honda Vario màu đen, biển số 59N3-453.09 chở Trương Hoài H qua Quận G tìm xem ai có tài sản sơ hở, thực hiện cướp giật. Khi đến trước địa chỉ số D H, phường T, Quận G, Nguyễn Văn S nhìn thấy chị Mai Thị T đang khom người, trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng, nói Trương Hoài H biết. Nguyễn Văn S liền điều khiển xe chở Trương Hoài H chạy vòng lại, áp sát từ phía sau chị Mai Thị T. Trương Hoài H liền dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng của chị Mai Thị T. Nguyễn Văn S tăng ga bỏ chạy về chợ X1, Quận H để Trương Hoài H lấy xe máy. Trương Hoài H chạy xe đến tiệm V, Quận H bán tài sản vừa cướp giật được, nhưng do đứng chờ lâu nên Trương Hoài H bỏ đi. Sau đó, Trương Hoài H đưa lại dây chuyền vàng cho Nguyễn Văn S đi bán, còn Trương Hoài H chạy xe về nhà. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn S đến nhà Trương Hoài H, nói bán sợi dây chuyền vàng được 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn S chia cho Trương Hoài H 5.000.000 đồng, Trương Hoài H đã tiêu xài hết.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị Mai Thị T đến Công an phường T, Quận G trình báo vụ việc. Qua truy xét Cơ quan công an bắt giữ Trương Hoài H còn Nguyễn Văn S đã bỏ trốn.

Kết luận định giá tài sản số 48 /KL-HĐĐGTTTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận G ngày 29/02/2024 kết luận: “01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại 610, nặng 3,27 chỉ có giá trị 12.200.000 đồng”.

Tại Cơ quan điều tra Công an Q, Trương Hoài H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Văn S đồng phạm với Trương Hoài H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiếp tục xác minh khi phát hiện sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án:

- Tạm giữ của bị cáo Trương Hoài H:

- + 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, phía sau nón có viền màu đen, có ghi dòng chữ “HELMET”, phía trước nón có gắn kính chắn gió;
- + 01 (một) đôi dép mủ màu đỏ;
- + 01 (một) áo sơ mi màu trắng tay dài, có kẻ sọc có ghi dòng chữ Blue exexchange.
- + 01 (một) quần jean vải có ghi dòng chữ TCS;
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo; Số IMEI 1: 865966048159178; Số IMEI 2: 865966048159160;

+ 01 (một) xe Honda Vision màu trắng biển số 65B1- 420.91; Số khung JF33E0472827; Số máy: RLHJF3311DY392678. Qua xác minh chiếc xe do bà Tạ Yến T1 đứng tên chủ sở hữu. Bà Tạ Yến T1 giao xe cho chồng Nguyễn Thanh D sử dụng. Ông Nguyễn Thanh D gửi xe ở nhà bị cáo Trương Hoài H, ông Nguyễn Thanh D không biết bị cáo Trương Hoài H sử dụng xe để đi cướp giật tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại xe cho bà Tạ Yến T1;

- Tạm giữ của Nguyễn Văn S do bà Trương Thị Thu H1 giao nộp:

+ 01 (một) xe Honda Vario màu nâu đen, biển số 59N3-453.09; Số khung: MH1KF412LK024412; Số máy: KF41E2028509. Qua xác minh chiếc xe do bà Trương Thị Thu H1 đứng tên chủ sở hữu. Bà Trương Thị Thu H1 sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn S. Bà Trương Thị Thu H1 không biết Nguyễn Văn S sử dụng xe để đi cướp giật tài sản;

- + 01 (một) đôi giày vải màu xám có hiệu IEVO;
- + 01 (một) áo khoác màu xám dài tay có dòng chữ Crocodile;
- + 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xanh đậm có kẻ sọc đen có ghi dòng chữ Nguyễn L;
- + 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có dòng chữ Andes;

Tài sản, đồ vật trên của Nguyễn Văn S sử dụng để đi cướp giật tài sản ngày 19/02/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Mai Thị T yêu cầu bị cáo Trương Hoài H bồi thường số tiền 12.500.000 đồng, theo biên lai mua mua vàng ngày 21/11/2023 (bút lục 167).

Tại bản Cáo trạng số 107/CT-VKSQ7 ngày 10/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo **Trương Hoài H** về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Trương Hoài H** từ 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/03/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị **Mai Thị T** yêu cầu **Trương Hoài H** bồi thường số tiền 12.500.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay bị cáo **Trương Hoài H** đồng ý bồi thường số tiền 12.500.000 đồng theo yêu cầu của bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do bản thân không có việc làm, thiếu tiền tiêu xài, nên nảy sinh ý định tìm tài sản sơ hở để cướp giật bán tiêu xài. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 12.500.000 đồng như bị hại yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt bị can để tạm giam, Biên bản sơ đồ nơi xảy ra vụ việc cướp giật tài sản (Của **Công an phường T**, **Quận G**) và phù hợp với lời khai của bị hại **Mai Thị T**, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, xét có đủ cơ sở để kết luận bị cáo **Trương Hoài H** đã phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.1] Bị cáo **Trương Hoài H** đã ngồi sau xe mô tô của **Nguyễn Văn S** làm phương tiện để cướp giật của bà **Mai Thị T** 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại 610, nặng 3,27 chỉ có giá trị 12.200.000 đồng là phạm tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Bị cáo **Trương Hoài H** có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

[2.3] Ngoài ra, bị cáo **Trương Hoài H** đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý và chưa được xóa án tích (*Bản án số 33/2018/HSST ngày 15/05/2018 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/01/2023*) mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[2.4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác đang lưu thông trên đường; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Do đó, phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trương Hoài H** có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đồng ý bồi thường giá trị tài sản là sợi dây chuyền vàng là 12.500.000 đồng cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo **Trương Hoài H** có nhân thân xấu, Bản án số 257/2008/HSST ngày 28/08/2008, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/6/2011; Bản án số 105/2012/HSST ngày 24/05/2012, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 18/06/2017; ngoài ra bị cáo còn tiền án: Bản án số 33/2018/HSST ngày 15/05/2018, Tòa án nhân dân Quận 6, **T** xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/01/2023. Bị cáo **Trương Hoài H** không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm pháp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị **Mai Thị T** yêu cầu bị cáo **Trương Hoài H** bồi thường số tiền 12.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo **Trương Hoài H** đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của người bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Đối với **Nguyễn Văn S** đồng phạm với bị cáo **Trương Hoài H** đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Q** đã có quyết định truy tìm người số 413/QĐ –TT-HS ngày 29/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Q** tiếp tục xác minh, điều tra khi phát hiện sẽ xử lý sau.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Của bị cáo **Trương Hoài H**:

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, phía sau nón có viền màu đen, có ghi dòng chữ “HELMET”, phía trước nón có gắn kính chắn gió, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) đôi dép mũ màu đỏ, bị cáo **Trương Hoài H** không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) áo sơ mi màu trắng tay dài, có kẻ sọc có ghi dòng chữ Blue exexchange là tài sản của bị cáo **Trương Hoài H**. bị cáo **Trương Hoài H** không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) quần jean vải có ghi dòng chữ TCS, là tài sản của bị cáo **Trương Hoài H**. bị cáo **Trương Hoài H** không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo; Số IMEI 1: 865966048159178; Số IMEI 2: 865966048159160 là tài sản cá nhân của bị cáo **Trương Hoài H**, bị cáo **Trương Hoài H** có yêu cầu nhận lại, nên trả lại cho bị cáo **Trương Hoài H**;

+ 01 (một) xe Honda Vision màu trắng biển số 65B1-420.91; Số khung JF33E0472827; Số máy: RLHJF3311DY392678. Qua xác minh chiếc xe do chị **Tạ Yến T1** đứng tên chủ sở hữu. Chị **Tạ Yến T1** giao xe cho chồng **Nguyễn Thanh D** sử dụng. Anh **Nguyễn Thanh D** gửi xe ở nhà bị cáo **Trương Hoài H**, anh **Nguyễn Thanh D** không biết bị cáo **Trương Hoài H** sử dụng xe để đi cướp giật tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Q** đã trả lại xe cho chị **Tạ yến T3** là có căn cứ, nên không xét.

- Của **Nguyễn Văn S** do bà **Trương Thị Thu H1** giao nộp.

+ 01 (một) xe Honda Vario màu nâu đen, biển số 59N3-453.09; Số khung: MH1KF412LK024412; Số máy: KF41E2028509. Qua xác minh chiếc xe do chị **Trương Thị Thu H1** đứng tên chủ sở hữu. Chị **Trương Thị Thu H1** sống chung như vợ chồng với **Nguyễn Văn S**. Chị **Trương Thị Thu H1** khai nhận cho **Nguyễn Văn S** mượn từ 6/2023 đến nay để làm phương tiện đi lại, không biết **Nguyễn Văn S** sử dụng xe để đi cướp giật tài sản, nên trả lại xe cho chị **Trần Thị Thu H2**;

+ 01 (một) đôi giày vải màu xám có hiệu IEVO, là tài sản của **Nguyễn Văn S** sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) áo khoác màu xám dài tay có dòng chữ Crocodile, Nguyễn Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xanh đậm có kẻ sọc đen có ghi dòng chữ Nguyễn L, Nguyễn Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có dòng chữ A, Nguyễn Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

(Tài sản, đồ vật trên của Nguyễn Văn S sử dụng để đi cướp giật tài sản ngày 19/02/2024).

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Hoài H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[1]. Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trương Hoài H 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/03/2024

[2]. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 30, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.1]. Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu xám, phía sau nón có viền màu đen, có ghi dòng chữ “HELMET”, phía trước nón có gắn kính chắn gió;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu xám có dòng chữ Andes;

+ 01 (một) đôi dép mũ màu đỏ;

+ 01 (một) áo sơ mi màu trắng tay dài, có kẻ sọc có ghi dòng chữ Blue exexchange;

+ 01 (một) quần jean vải có ghi dòng chữ TCS;

+ 01 (một) đôi giày vải màu xám có hiệu IEVO;

+ 01 (một) áo khoác màu xám dài tay có dòng chữ Crocodile;

+ 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xanh đậm có kẻ sọc đen có ghi dòng chữ Nguyễn L.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 124 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7)

[2.2]. Trả lại cho chị **Trương Thị Thu H1** 01 (một) xe Honda Vario màu nâu đen, biển số 59N3-453.09; Số khung: MH1KF412LK024412; Số máy: KF41E2028509.

Trả lại cho bị cáo **Trương Hoài H** 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo; Số IMEI 1: 865966048159178; Số IMEI 2: 865966048159160.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 124 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7)

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo **Trương Hoài H** phải bồi thường số tiền 12.500.000 đồng cho chị **Mai Thị T**.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền các bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo **Trương Hoài H** chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

[3]. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng;

Và án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo **Trương Hoài H** phải bồi thường số tiền 12.500.000 đồng cho chị **Mai Thị T** là 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

[4]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[5]. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Trương Như T4